

Bài viết đề cập chủ yếu đến những điểm còn tranh cãi trong nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế

. Ngoài ra, bài viết cũng xem xét đến các cam kết giữa Việt Nam và Trung Quốc trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp trên Biển Đông.



## **Tóm tắt**

*Nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế là một trong các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Các quốc gia có nghĩa vụ phải giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình thông qua các biện pháp phi vũ lực. Nguyên tắc này đã hình thành từ lâu, được biết từ năm 1945 khi Hội đồng Liên hợp quốc ra đời. Không một quốc gia nào phủ nhận nguyên tắc này, nhưng điều này không đồng*

nguyên tắc đã có sự đồng thuận về nội dung của nguyên tắc. Các nội dung cơ bản của nguyên tắc được nêu trong Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế để ưu tiên quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia của Hội đồng Liên hợp quốc năm 1970, trong đó một số nội dung đã nhận được sự đồng thuận cao và được công nhận là tập quán quốc tế. Tuy nhiên, một số nội dung khác còn đang tranh cãi. Bài viết này sẽ đề cập chủ yếu đến những điểm còn tranh cãi đó. Ngoài ra, bài viết cũng xem xét đến các cam kết giữa Việt Nam và Trung Quốc trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp trên Biển Đông.

**Tóm tắt:** Tranh chấp quốc tế, Biên bản, luật pháp quốc tế, biên bản pháp luật biển

### **Nguyên tắc của Nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp quốc tế**

Từ khi Hội đồng Liên hợp quốc ra đời và có hiệu lực, với tính phổ quát của tập tục này, hòa bình giữa quy tắc tranh chấp quốc tế đã trở thành một nguyên tắc pháp luật quốc tế ràng buộc tuyệt đối đa số các quốc gia trên thế giới. Nguyên tắc này được ghi nhận trong Điều 2(3) và Điều 33, cũng như trong Điều 1(1) về mục đích, tôn trọng hoạt động của Liên hợp quốc. Ngoài ra, các điều ước quốc tế thành lập các tổ chức khu vực quan trọng cũng ghi nhận lại nguyên tắc này như Hội đồng Đông Nam Á, Hội đồng của Tổ chức các quốc gia châu Mỹ, Hội đồng thành lập Liên minh Châu Phi và các vãn bản thành lập của Liên minh Châu Âu. [\[1\]](#)

Với việc mở rộng nhanh chóng về thành viên của Liên hợp quốc và thực tiễn của các quốc gia, nguyên tắc này đã trở thành một nguyên tắc quan trọng của luật pháp quốc tế. Do đó, nguyên tắc có hiệu lực ràng buộc đối với mọi quốc gia trên thế giới, bất kể có là thành viên của Liên hợp quốc hay không. Trong *Nicaragua vs. Mỹ*, Tòa án Công lý Quốc tế lần đầu tiên đã xác nhận hiệu lực tập quán của nguyên tắc này. [\[2\]](#) Một số học giả còn đi xa hơn

nữa khi cho rằng nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp quốc tế đã trở thành một quy phạm pháp luật chung (

*jus cogens*

).

[\[3\]](#)

### **Nội dung của nguyên tắc**

Cùng với sáu nguyên tắc cơ bản khác, nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp được ghi thích cụ thể trong Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia năm 1970 (Tuyên bố năm 1970) của Hội đồng Liên hợp quốc.

[\[4\]](#)

Tuyên bố này được tòa án quốc tế và các học giả có uy tín xem là văn bản có giá trị giải thích Hiến chương Liên hợp quốc.

[\[5\]](#)

Tiếp theo đó, Hội đồng đã thông qua một số nghị quyết khác về nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế, bao gồm Tuyên bố Manila về Hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế năm 1982 (Tuyên bố Manila) và Nghị quyết về Ngăn ngừa và hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế năm 2003.

[\[6\]](#)

Tuyên bố năm 1970 quy định các nghĩa vụ của các quốc gia trong nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế, cụ thể như sau:

1. Nghĩa vụ giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng các biện pháp hòa bình theo cách thức không gây nguy hiểm cho hòa bình, an ninh và công lý quốc tế;

2. Nghĩa vụ tìm kiếm giải pháp cho các tranh chấp một cách nhanh chóng và công bằng thông qua đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, trọng tài, biện pháp tạm pháp, sử dụng các tổ chức hay dàn xếp quốc tế hoặc các biện pháp hòa bình khác theo sự lựa chọn của các bên, phù hợp với hoàn cảnh và bản chất của tranh chấp;

3. Nghĩa vụ tiếp tục tìm kiếm giải pháp giải quyết tranh chấp bằng những biện pháp hòa bình mà các bên chấp nhận trong trường hợp chưa thể giải quyết tranh chấp bằng bất kỳ biện pháp hòa bình nêu trên;

4. Nghĩa vụ hạn chế có hành động có thể làm xấu đi tình hình, gây nguy hiểm cho việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế và phải hành động theo cách thức phù hợp với mục đích và nguyên tắc của Liên hợp quốc.

Trong bđn nghđa vđ cđ thđ trđn, nghđa vđ khđng gđy nguy hiđm cho hòa bình, an ninh quđc tđ và nghđa vđ tiđp tđc tìm kiđm giđi phđp hòa bình là nhđng nghđa vđ khđng gđy tranh cđi. Hai nghđa vđ cđn lđi vđn cđn nhiđu quan đđiđm khđc nhau và sđ đđđc phđn tđch kđ đđđi đđy.

### **Các biđn phđp hòa bình giđi quyđt tranh chđp**

Các quđc gia cđ nghđa vđ phđi giđi quyđt các tranh chđp bđng biđn phđp hòa bình và trong mđi trđđng hđp khđng đđđc sđ đđng vđ lđc. Các biđn phđp cđ thđ đđ giđi quyđt hòa bình các tranh chđp quđc tđ đđđc liđt kê đđ đđđu 33 cuđa Hiđn chđđng Liđn hđp quđc, bao gđm đđm phđn, trung gian, hòa giđi, đđđu tra, sđ đđng các đđn xđp khu vđc, các biđn phđp tđa án, trđng tài và các biđn phđp hòa bình khđc. Các quđc gia cđ quyđn tđ do lđa chđn biđn phđp mà hđ thđy thđch hđp. Luđt phđp quđc tđ hiđm khi quy đđnh vđ mđt biđn phđp bđt buđc nhđt đđnh và cho dù cđ quy đđnh nhđ thđ thì quyđn tđ do lđa chđn vđ cđ bađn vđn đđđc bđo đđm. Ví đđ nhđ Công đđc Liđn hđp quđc vđ Luđt Biđn nđm 1982 quy đđnh thđ tđc bđt buđc mang tđnh chđt rđng buđc (tđa án và trđng tài), [7] nhđng cđng cho phđp quyđn cđa các quđc gia thđnh viđn lđa chđn biđn phđp khđc, thđm chí quyđn lođi trđ áp đđng thđ tđc bđt buđc trong mđt sđđ trđđđng hđp. [8]

Trong các biđn phđp trđn, đđm phđn là biđn phđp phđ biđn nhđt trong giđi quyđt hòa bình các tranh chđp. Giđo sđ Merrills hoàn tođn đđng khi nhđn đđnh rđng biđn phđp đđm phđn đđđc sđ đđđng thđđđng xuyđn hđn hđn tđt cđ các biđn phđp giđi quyđt tranh chđp cđng lđi. [9] Trong đđm phđn, các bđn cđ thđ trao đđi quan đđiđm, đđnh giđ thđng tin cđa nhau và cđ thđ đđt đđđc mđt giđi phđp mà các bđn tranh chđp cđ thđ chđp nhđn. Đđm phđn đđi khi khđng chđ nhđm giđi quyđt tranh chđp mà cđn đđ ngđn ngđa xung đđđt cđ thđ xđy ra; và trong trđđng hđp đđ, các quđc gia thđđng lđa chđn mđt hđnh thđc đđm phđn đđc thù hđn – tham vđn.

[10]

Thđng qua tham vđn, các quđc gia cđ thđ sđ đđđu chđnh hđnh vi hođc chđnh sđch cđa mđnh trđđc khi chđng đđđc ban hđnh hay thđc hiđn trđn thđc tđ đđ trđnh tranh chđp khđng cđn thiđt vđi nhau.

[11]

Sđ vđi các biđn phđp tđ phđp, đđm phđn và các biđn phđp ngođi giao khđc thđđng đđđc đđu tiđn áp đđng hđn do cđ thđ giđi quyđt tranh chđp trđn cđ sđ hđp tđc và thđu hiđu giđa các bđn. Tđa án Thđđng trđc Công lý Quđc tđ (PCIJ) cho rđng “viđc giđi quyđt tranh chđp quđc tđ bđng biđn phđp tđ phđpchđ đđn giđn là mđt biđn

pháp thay thế cho việc giải quyết trực tiếp và hậu quả giải quyết các bên; do đó Tòa án phải tạo điều kiện thuận lợi nhất có thể cho việc giải quyết trực tiếp và hậu quả như thế.” [12] Trong vụ *Nicaragua vs M*, khi tiếp cận đưa ra quyết định về yêu cầu bồi thường của Nicaragua do thiêu c s tính toán mức bồi thường chính và việc M không tham gia quá trình xét xử, Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) không đưa ra nên hậu quả đưa ra quyết định không cần thiết có thể tạo ra trợ giúp cho đàm phán giải quyết các bên. [

[13] Có thể thấy chính các tòa án quốc tế cũng cho rằng biện pháp đàm phán nên được ưu tiên sử dụng và các biện pháp tiếp pháp chỉ là biện pháp cuối cùng và dù cho được áp dụng thì biện pháp tiếp pháp cũng không nên cần trợ cấp giải quyết tranh chấp trực tiếp bằng đàm phán giải quyết các bên.

Hơn nữa, trong trường hợp tranh chấp đang được giải quyết bằng biện pháp tiếp pháp, các bên có thể đồng thời tiến hành đàm phán và nếu thành công, các bên có thể yêu cầu cơ quan tài phán ngừng xem xét tranh chấp. Tòa ICJ trong vụ *Aegean Sea* nhận định: “Đàm phán và biện pháp tiếp pháp được ghi nhận cùng nhau ở điều 33 của Hiến chương Liên hợp quốc như các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp. Các phán quyết trước đây của Tòa đã cho thấy nhiều ví dụ các bên đồng thời tiến hành đàm phán và tranh tụng trước cơ quan tài phán, tiến trình này có thể chấm dứt nếu các cuộc đàm phán thành công.”

[14]

**Nghĩa vụ phải giải quyết các tranh chấp quốc tế?**

Điều 2(3) của Hiến chương và tập quán quốc tế quy định: “ Tất cả các thành viên của Liên hợp quốc phải giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng biện pháp hòa bình.” Tùy theo cách thức giải thích mà các học giả có ý kiến khác nhau về việc có tồn tại một nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp hay không. Nói cách khác, liệu các quốc gia có quy định không giải quyết tranh chấp, để mặc cho tranh chấp tồn tại giữa họ với nhau hay không.

Một số học giả cho rằng nghĩa vụ này chỉ bắt buộc các quốc gia phải sử dụng các biện pháp hòa bình để giải quyết tranh chấp quốc tế. Các quốc gia không có nghĩa vụ giải quyết tranh chấp quốc tế, nhưng nếu họ quyết định sử dụng giải quyết tranh chấp quốc tế thì sẽ phải tuân thủ nghĩa vụ sử dụng biện pháp hòa bình. [15]

Các học giả nổi tiếng và có uy tín trong lĩnh vực công pháp quốc tế cũng quan tâm đến điều này. Theo Ian Brownlie, “không có bất kỳ nghĩa vụ pháp lý giữa quy tắc tranh chấp trong luật pháp quốc tế chung”. [16] Malcolm N. Shaw cho rằng “các quốc gia không hề có nghĩa vụ pháp lý giữa quy tắc các bất đồng giữa họ và điều này đúng trong trường hợp xung đột pháp lý nghiêm trọng cũng như các bất đồng chính trị.”

[17]

James Crawford (hiện là thẩm phán Tòa án Công lý Quốc tế - ICJ) cũng quan tâm đến điều này khi nhận định về nội hàm của chủ quyền quốc gia.

[18]

Ông viết: “...các quốc gia có chủ quyền, theo nghĩa là nó có đầy đủ thẩm quyền để hành động không chỉ bên trong mà còn bên ngoài, để ký kết hoặc không ký kết các điều ước quốc tế và các cam kết khác, để quan hệ hoặc không quan hệ với các quốc gia khác theo nhiều cách, để đồng ý hoặc không đồng ý giữa quy tắc các tranh chấp quốc tế.”

[19]

Một số học giả khác cũng có cùng ý kiến.

[20]

Ngoài ra, gần đây nhất Hội đồng đã thông qua Nghị quyết 57/26 về Ngăn ngừa và Giải quyết hòa bình tranh chấp và trong Nghị quyết này cũng chủ yếu nhấn mạnh việc “khuyến khích các quốc gia giải quyết tranh chấp càng sớm càng tốt.”

[21]

Tuy nhiên, Giáo sư Christine Tomuschat cho rằng nếu giải thích trên đúng chủ quyền nhân thì nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp sẽ không có bất kỳ ý nghĩa gì, và chủ yếu một số nhân viên luật quốc tế cảm can thiệp và nguyên tắc cảm sẽ đúng với họ. [22] Ông cho rằng điều 2(3) quy định một nghĩa vụ pháp lý nội bộ để tìm kiếm giải pháp. [23] Một số học giả còn đi xa hơn khi cho rằng luật pháp quốc tế áp đặt một nghĩa vụ pháp lý giữa quy tắc tranh chấp quốc tế và pháp lý giữa quy tắc bằng các biện pháp hòa bình.

[24]

Điều 2(3) ghi rõ rằng các quốc gia “*phải giải quyết*” các tranh chấp quốc tế.

[25]

Điều 33 của Hiến chương Liên Hợp Quốc, Tuyên bố năm 1970 và Tuyên bố Manila năm 1982 của Hội đồng cũng quy định các quốc gia phải tìm kiếm giải pháp nhanh chóng và công bằng trên tinh thần thiện chí và hợp tác. Điều 2(3) đã vượt khỏi “cái bóng của điều 2(4)”, đòi hỏi các quốc gia phải có hành động chủ động để giải quyết tranh chấp hoặc ít nhất phải trao đổi quan điểm với nhau.

[26]

Nói cách khác, các bên có nghĩa vụ phải tìm kiếm một giải pháp một cách thiện chí phù hợp với điều 2, khoản 2 của Hiến chương.

[27]

Alain Pellet có quan điểm trung hoà hơn hai quan điểm trên. [28] Trong khi cho rằng nguyên tắc này không áp đặt một nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp, theo ông, Điều 33 và Tuyên bố năm 1970 quy định nghĩa vụ tìm kiếm giải pháp. Tuy nhiên, nghĩa vụ tìm kiếm không đồng nghĩa với nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp. Các quốc gia hoàn toàn có thể để mặc cho tranh chấp tồn tại mà không giải quyết, trừ trường hợp tranh chấp cấu thành mối đe dọa đến hoà bình và an ninh quốc tế.

Nếu xét từ lịch sử hình thành và cách hiểu thông thường thì cách giải thích không cho rằng các quốc gia có nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp có vẻ hợp lý và thuyết phục hơn. Nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp được ghi nhận và luôn đi cùng với nguyên tắc cấm đe dọa sử dụng vũ lực hay sử dụng vũ lực. Hai nguyên tắc này giống như hai mặt của đồng xu, và có thể nói nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp là hệ quả tất yếu và đi kèm với việc cấm sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Một trong bối cảnh kết thúc Chiến tranh thế giới thứ 2, không khó để có thể hình dung các quốc gia quan tâm đến vấn đề cấm sử dụng vũ lực và áp dụng biện pháp giải quyết hòa bình hơn là nghĩa vụ một nghĩa vụ bắt buộc phải giải quyết tranh chấp. Hơn nữa, trên thực tế, khi có một tranh chấp phát sinh, các quốc gia và cộng đồng quốc tế chỉ kêu gọi các bên cùng nhau giải quyết tranh chấp và không sử dụng vũ lực; các lời kêu gọi này không ám chỉ đến bắt buộc các quốc gia phải giải quyết tranh chấp. Do đó, yếu tố cần nhận mạnh trong nguyên tắc này là “các biện pháp hòa bình”, buộc các quốc gia chỉ sử dụng các biện pháp này để giải quyết tranh chấp.

### ***Nghĩa vụ không làm phức tạp tranh chấp***

Tuyên bố năm 1970 quy định “4. Nghĩa vụ hơn chỉ hành động có thể làm xấu đi tình hình, gây nguy hiểm cho việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế và phải hành động theo cách thích hợp với mục đích và nguyên tắc của Liên hợp quốc.” Trong một số các điều ước quốc tế cũng có quy định tương tự, như Hiệp ước chung về Hòa bình giải quyết tranh chấp năm 1928, [29]

1  
Hiệp ước số 1 về Giải quyết tranh chấp hòa bình năm 1949,

[30]

Công ước châu Âu về Hòa bình giải quyết tranh chấp năm 1957.

[31]

Các điều ước quốc tế này quy định nghĩa vụ chung cho các quốc gia không có các hành vi làm phức tạp tranh chấp trong khi đang tìm kiếm giải pháp.

[\[32\]](#)

Trong các án lệ của cơ quan tài phán quốc tế, nghĩa vụ không làm phức tạp tranh chấp được viển vông trong trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tính đến thời điểm hiện nay, Tòa án Công lý Quốc tế đã đưa ra 38 quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, trong khi Tòa án Luật Biện Quốc tế đưa ra 8 quyết định. Tuy nhiên, trong hầu hết các quyết định, biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng nhằm mục đích bảo vệ quyền của bên yêu cầu áp dụng trong quá trình tố tụng theo đúng quy định ở Điều 41 Quy chế Tòa ICJ. Chỉ một số ít các quyết định của tòa được đưa ra nhằm mục đích ngăn ngừa việc làm phức tạp hoặc mở rộng tranh chấp đang được tòa thẩm lý xem xét.

Trong các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa ICJ đã yêu cầu mỗi bên tranh chấp “nên bảo đảm không có bất kỳ hành vi nào có thể làm phức tạp hoặc mở rộng tranh chấp.” [\[33\]](#) Trong các quyết định sau này, Tòa ghi nhận thêm yêu cầu “không làm cho tranh chấp trở nên khó giải quyết hơn.”

[\[34\]](#)

Một điểm đáng chú ý là trong giai đoạn trước đây, Tòa ICJ thường nhợt dùng từ “nên” (should) thay vì sử dụng các từ có tính chất ràng buộc như “phải” (shall). Có thể suy luận rằng chính Tòa cũng không cho rằng nghĩa vụ không làm phức tạp tranh chấp thực sự tồn tại trong luật pháp quốc tế, hoặc cùng lắm chỉ là một nghĩa vụ ‘mềm’. Trong quyết định gần đây, Tòa bắt đầu sử dụng từ ngữ mang tính ràng buộc hơn – “phải” (shall/must).

[\[35\]](#)

Bên cạnh việc yêu cầu các bên phải không có hành vi làm phức tạp hay mở rộng tranh chấp hoặc làm cho tranh chấp trở nên khó giải quyết, Tòa ICJ còn nhận thấy các bên rằng yêu cầu này có tính chất ràng buộc và là một nghĩa vụ pháp lý quốc tế mà các bên buộc phải thực hiện.

[\[36\]](#)

Hơn nữa, bên vi phạm nghĩa vụ này sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý.

[\[37\]](#)

Đây có thể là một dấu hiệu cho thấy Tòa ICJ bắt đầu xem việc không làm phức tạp tranh chấp hay mở rộng tranh chấp hay làm cho tranh chấp trở nên khó giải quyết là một yêu cầu có tính chất nghĩa vụ.

Trong phán quyết của mình, Tòa trình tài trong vụ *kiến giữa Philippines và Trung Quốc* cho rằng nghĩa vụ không làm phức tạp hay mở rộng tranh chấp là “nguyên tắc của luật pháp quốc tế”



[\[38\]](#)

áp dụng cho tất cả các bên tranh chấp khi tham gia vào một tiến trình giải quyết tranh chấp. Nghĩa vụ này không phụ thuộc vào một quy định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà xuất hiện và tồn tại độc lập ngay khi các quốc gia tham gia vào một tiến trình giải quyết tranh chấp.

[\[39\]](#)

Nói cách khác, ngay khi một quốc gia bắt đầu khi đang một vụ kiện thì tất cả các bên trong vụ kiện sẽ chịu sự điều chỉnh của nghĩa vụ này. Theo nguyên tắc thiến chí, các quốc gia có nghĩa vụ phải tuân thủ các cam kết quốc tế, trong đó có các quy định về giải quyết tranh chấp trong các điều ước quốc tế mà các quốc gia là thành viên.

[\[40\]](#)

Tòa arbitral Trung Quốc đã vi phạm nghĩa vụ không làm phức tạp hay mở rộng tranh chấp khi tiến hành các hoạt động, bao gồm cả hoạt động khai thác và xây dựng đảo nhân tạo trên Biển Đông, kể từ thời điểm Philippines khi kiện.

[\[41\]](#)

Tóm lại, cho đến hiện nay vẫn còn một số điểm chưa rõ ràng về sự tồn tại của nghĩa vụ này trong luật pháp quốc tế. Nghĩa vụ này chỉ giải hiện trong việc báo động quy định của các bên và việc thực thi có hiệu quả quy định tài phán trong hoạt động xét xử của các tòa án hay trung tài quốc tế. Điều này không có nghĩa là nghĩa vụ này không tồn tại, vì thực sự không thể tìm ra lý do nào mà các tòa án hay trung tài lại phủ nhận nó. Hơn nữa, nguyên tắc thiến chí bắt buộc các bên phải áp dụng nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp theo cách thực hợp lý và công bằng đến hiện thực hóa mục đích của nguyên tắc này. [\[42\]](#) Nói cách khác, các quốc gia cần thiến chí hợp tác và tuân thủ các quy định của luật pháp quốc tế theo cách thực không làm phức tạp hay mở rộng tranh chấp trong quan hệ quốc tế.

## **Cam kết giải quyết hòa bình vấn đề Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc**

Với tư cách là hai quốc gia, Việt Nam và Trung Quốc chịu ràng buộc của nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế theo quy định của Hiến chương Liên hợp quốc và tập quán quốc tế. Không một nước nào được phép sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp, trong đó có cả tranh chấp trên Biển Đông. Các vấn đề khu vực và song phương giữa hai nước nên minh bạch yêu cầu biện pháp tham vấn và đàm phán, không nhúc nhích và cũng không lo ngại trở ngại sự đồng ý các biện pháp tài phán.

Nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp đ Biện đng đã đ đ ghi nh n và nh c l i nhi u l n trong các v n ki n song ph ng và khu v c. N m 2002, ASEAN và Trung Qu c đã ký k t Tuyên b v ng x c a các Bên đ Biện đng (Tuyên b DOC). [43] Các bên tái kh ng đ nh cam k t tuân th các nguyên tắc c b n c a lu t pháp qu c t và “cam k t giữa quy t các tranh chấp b ng các bi n pháp hòa bình, không s d ng v l c, thông qua tham v n, đàm phán h u ngh giữa các qu c gia tr c ti p liên quan”. [44] Các bên c ng cam k t “s n sàng ti p t c các cu c đ i tho i và tham v n v nh ng v n đ liên quan, thông qua các th th c đ đ các bên đ ng ý, k c các cu c tham v n th ng xuyên theo quy đ nh c a Tuyên b này, vì m c tiêu khuy n khích s minh b ch và lắng gi ng t t, thi p l p s h p tác và hi u bi t l n nhau m t cách hài hòa, và t o đ i u ki n thu n l i cho vi c giữa quy t hòa bình ca c tranh chấp giữa các bên.”

[45]

Tuyên b DOC là m t v n b n chính tr , không có giá tr ràng bu c, do đó không t o ra b t k giá tr pháp lý nào.

N m 2011, Việt Nam và Trung Qu c đã ký k t Th a thu n v các nguyên tắc c b n ch đ o giữa quy t v n đ trên bi n giữa hai n c. Th a thu n này yêu c u hai n c trong quá trình đàm phán ph i “th c hi n nghiêm túc nguyên tắc và tinh th n” c a Tuyên b DOC. [46] N u Th a thu n này đ đ xem là m t th a thu n có tính ch t ràng bu c (m t đ i u c qu c t ) giữa hai n c thì b ng cách đ n chi u đ n Tuyên b DOC, hai n c đã trao giá tr ràng bu c cho Tuyên b DOC.

Trong các tuyên b chung giữa lãnh đ o Việt Nam và Trung Qu c nh ng n m g n đây, ngh a v không làm ph c t p hay m r ng tranh chấp đ đ nh c l i nhi u l n.

Tuyên b chung v chuy n th m c a T ng bí th Nguy n Phú Tr ng đ n Trung Qu c (ngày 11 – 15/10/2011) ghi nh n: “Tr đ c khi giữa quy t đ t đ i m tranh chấp trên bi n, hai bên cùng gi g n hòa bình, n đ nh trên Biện đng, gi thái đ bình t nh và ki m ch , không áp d ng hành đ ng làm ph c t p hóa ho c m r ng thêm tranh chấp, không đ các th l c thù đ ch phá ho i quan h hai ng, hai n c, x lý các v n đ n y sinh v i thái đ xây d ng, không đ nh h ng t i quan h hai ng, hai n c và hòa bình, n đ nh đ Biện đng.” [47]

Tuyên b chung v chuy n th m c a Ch t ch n c Tr ng T n Sang đ n Trung Qu c (ngày 19 – 21/6/2013) b t đ u ghi nh n Tuyên b DOC: “Tr đ c khi tranh chấp trên bi n đ đ c giữa quy t đ t đ i m, hai bên nh t trí giữa bình t nh và ki m ch ,

không có hành đòng làm phòc tòp, mò ròng tranh chòp, đòng thòi sò đòng tòt đòng dây nóng quòn lý, kiò soát khòng hoòng trên biện giữa Bò Ngoò giao hai nòc, xò lý thòa đàng các vãn đò nòy sinh vòí thòi đò xây đòng, không đò các vãn đò này ònh hòng đò đò còc quan hò Việt-Trung còng nhò hòa bình, òn đònh tòi Biện òng. Hai bên nhòt trí thòc hiòn toàn diò, có hiòu quò “Tuyên bò vò cách òng xò còa các bên ò Biện òng” (DOC), cùng nhau duy trì hòa bình và òn đònh ò Biện òng.” [\[48\]](#)

Tuyên bò chung giữa Việt Nam và Trung Quò trong chuyòn thòm còa Thò tòng Trung Quò đò Việt Nam (ngày 13 – 15/10/2013) ghi nhòn : “Hai bên nhòt trí kiò soát tòt nhòng bò đòng trên biện, không có hành đòng làm phòc tòp, mò ròng tranh chòp ..., đòng thòi tiòp tòc tích còc trao đòi và tìm kiò các biện pháp có hiòu quò đò kiò soát tranh chòp, duy trì đòi còc quan hò Việt - Trung và hòa bình, òn đònh trên Biện òng .... Hai bên nhòt trí thòc hiòn đòy đò, hiòu quò “Tuyên bò vò cách òng xò còa các bên ò Biện òng” (DOC), tòng còng tin còy, thúc đòy hòp tác, cùng nhau duy trì hòa bình, òn đònh ò Biện òng, theo tinh thòn và nguyên tắc còa “Tuyên bò vò cách òng xò còa các bên ò Biện òng” (DOC), trên cò sò đòng thuò, nò lòc hòng tòi thông qua “Bò Quy tắc òng xò ò Biện òng” (COC).” [\[49\]](#)

Tuyên bò chung nhân chuyòn thòm còa Tòng bí thò Nguyòn Phú Tròng đòn Trung Quò (ngày 7 – 10/4/2015) nhòt trí “cùng kiò soát tòt bò đòng trên biện, thòc hiòn đòy đò có hiòu quò Tuyên bò vò òng xò còa các bên ò Biện òng (DOC) và sòm đòt đòc Bò Quy tắc òng xò ò Biện òng (COC) trên cò sò hòp thòng thòng nhòt, không có hành đòng làm phòc tòp, mò ròng tranh chòp; xò lý kòp thòi, thòa đàng vãn đò nòy sinh, duy trì đòi còc quan hò Việt - Trung và hòa bình, òn đònh ò Biện òng.” [\[50\]](#) Trong cùng nò, Tuyên bò chung nhân chuyòn thòm còa Tòng bí thò, Chò tòch nòc Trung Quò Tôp Còn Biònh đòn Việt Nam (ngày 5 – 6/11/2015) nhòc lòi nòi dung trên.

Có thò thòy, tò nò 2011, các tuyên bò chung đã bò đòu đò còp đòn viòc không làm phòc tòp, mò ròng tranh chòp trên Biện òng giữa hai nòc. Tò nò 2013, các tuyên bò bò đòu nhòn mònh đòn viòc nghiêm túc tuân thò mòt cách toàn diò, đòy đò và hiòu quò Tuyên bò DOC và hòng đòn xây đòng Tuyên bò COC. Mòc dù các tuyên bò này thòng đòc xem là có tính chòt chính trò, phi pháp lý, nhòng viòc các nhà lãnh đòo cao nhòt còa hai nòc liên tòc đòa ra cam kòt chung nhò thò cho thòy khò nòng đã hình thành mòt thòa thuò ràng buòc giữa hai quòc gia. Yòu tò quan tròng nhòt còn đòc xem xét là liòu hai quòc gia có thòc sò có ý đònh tòo ra mòt nghòa vò ràng buòc hay không. [\[51\]](#) Nòu xác đònh rõ ràng ròng các quòc gia không có ý đònh xác lòp mòt cam kòt pháp lý thì sò lòp đi lòp lòi các cam kòt không thò

chuyđn hóa thành các cam kết pháp lý.

[\[52\]](#)

đđ trđ lđi câu hđi này đđi hđi phđi xem xét kết câu chđ cđng nhđ hoàn cđnh cđ thđ mà các tuyên bđ chung này đđđc đđa ra liên quan trong quá trình đđm phán và ký kết

[\[53\]](#)

; trong đđ, quan trđng nhđt là các vđn bđn đđm phán.

Trong các tuyên bđ trên, Việt Nam và Trung Quđc đđ cam kết sđ giữa quyđt các tranh chấp thông qua biđn pháp đđm phán trđc tiđp giữa hai nđđc. Thđc tiđn cho thđy đđm phán là biđn pháp duy nhđt mà hai nđđc đđ sđ đđng đđ giữa quyđt tđt cđ các tranh chấp tđ trđđc đđn nay, tđ vđn đđ Campuchia, bình thđđng hóa quan hđ, phân đđnh biên giữa trên đđt liđn và ranh giữa trên biđn trong Vđnh Bđc Bđ và nhiđu vđn đđ khác. Tuy nhiên đđđu này không có nghđa là Việt Nam và Trung Quđc bđ hđn chđ trong viđc lđa chđn mđt biđn pháp hòa bình khác. Cam kết đđa ra trong Thđa thuđn nđm 2011 và các tuyên bđ chung cđa lãnh đđo hai nđđc không lođi trđ khđ nđng sđ đđng các biđn pháp khác, trong đđ có biđn pháp tài phán. Trong Phđn quyđt ngày 29 tháng 10 nđm 2015 cđa Tòa trđng tài trong vđ kiđn giữa Philippines và Trung Quđc, Tòa đđ bác bđ lđp luđn cho rđng các vđn kiđn song phđđng vđi nhđng lđi cam kết tđđng tđ giữa Philippines và Trung Quđc thđ hiđn mđt cam kết pháp lý chđ giữa quyđt tranh chấp bđng tham vđn và đđm phán.

[\[54\]](#)

Viđc hai nđđc nhđn mđnh đđn biđn pháp tham vđn và đđm phán không đđng nghđa vđi viđc lođi trđ biđn pháp tài phán, trđ khi hai nđđc có cam kết pháp lý rõ ràng quy đđnh sđ lođi trđ nhđ vđy. Việt Nam cđng khđng đđnh Việt Nam không lođi trđ sđ đđng các biđn pháp pháp lý đđ giữa quyđt tranh chấp đ Biđn đảng.

[\[55\]](#)

Do đđ, Thđa thuđn nđm 2011 và các tuyên bđ chung giữa lãnh đđo hai nđđc không thđ đđđc giữa thích theo hđđng hai nđđc cam kết chđ giữa quyđt bđng đđm phán và lođi trđ khđ nđng sđ đđng các biđn pháp tài phán.

## Kết luận

Nguyên tắc hòa bình giữa quyđt tranh chấp là mđt nguyên tắc cđ bđn cđa luđt pháp quđc tđ, bđt buđc các quđc gia phđi sđ đđng các biđn pháp hòa bình và phi vđ lđc đđ giữa quyđt các tranh chấp quđc tđ. Trong quađ triđnh giữa quyđt tranh chấp trên biđn giữa Việt Nam và Trung Quđc, hai nđđc đđu cam kết giữa quyđt hòa bình các tranh chấp cđng nhđ thđ hiđn nhđt trí vđ viđc không làm phđc tđp, mđ rđng tranh chấp. đđđ lađ mđt nghiđa vuđ quđđc tđđ mađ hai nđđđc đđđu phđđi tuân thuđ./.

Trần Hữu Duy Minh, Khoa Luật, Học viện Ngoại giao Việt Nam, Bộ Ngoại giao.  
Bài viết đăng trên [Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế](#),  
Học viện Ngoại giao, Số 1 (108), tháng 3/2017.

---

[1] Hiến chương ASEAN (2008), điều 2(2)(d); Hiến chương thành lập Liên minh Châu Phi (2000), điều 4(e); Hiệp ước Béc Len Tây Đức (1949), điều 1; Hiệp ước Lisbon (2007); Hiến chương của Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (1948), điều 4(b), 5(g).

[2] Vụ *Hoạt động quân sự và bán quân sự của Mỹ chống lại Nicaragua*, Phán quyết về Thảm quy, ICJ, 1984, đoạn 73.

[3] Alain Pellet, *Peaceful Settlement of International Disputes*, Max Planck EPIL, 2013, đoạn 5; Martin Dixon, Robert McCorquodale, Sarah Williams, *Cases and Materials on International Law*, OUP, 2011, tr. 626; Wakter Poeggel & Adith Oeser, *Methods of Diplomatic Settlement*, chương 24, tr. 512, trong Mohamed Bedjaoui (ed.), *International Law: Achievements and Prospects*, UNESCO, 1991; G. Shinkaretskaia, *Peaceful Settlement of International Disputes: An Alternative to the Use of Force*,

trong W. E. Butler (ed.),  
*The Non-Use of Force in International Law*  
, Martinus Nijhoff Publishers, 1989, tr. 44-51.

[4] Hội nghị Liên hiệp quốc, *Nghị quyết A/RES/25/2625*, ngày 24 tháng 10 năm 1970.

[5] Vụ *Nicaragua vs Mỹ*, Tòa ICJ, 1986. Ian Brownlie, *Principles of Public International Law*, 5<sup>th</sup> ed., OUP, 1998, tr. 15; Malcolm N. Shaw,

*International Law*

, 6  
th

ed., CUP, 2008, tr. 253; James Crawford,  
*Brownlie's Principles of Public International Law*  
, CUP, 2012, tr. 193.

[6] Hội đồng Liên hợp quốc, *Nghị quyết A/RES/37/10*, ngày 15 tháng 11 năm 1982, *Nghị quyết A/RES/57/26*, ngày 03 tháng 02 năm 2003.

[7] UNCLOS, Mục 2, Phần XV.

[8] UNCLOS, Điều 279 - 281.

[9] J. G. Merrills, *International Dispute Settlement*, 3<sup>rd</sup> ed., CUP, 1998, tr. 2.

[10] Như trên, tr. 3.

[11] Như trên.

[12] *Về Free Zones of Upper Savoy and the District of Gex*, Quyết định ngày 19 tháng 8 năm 1929, PCIJ, Series A, No. 22, tr. 13.

[13] *Về Các hoạt động quân sự và bán quân sự của Miền trung Mỹ Nicaragua* (Nicaragua v. Mỹ), Phán quyết thực chất, ICJ, 1986, đoạn 185.

[14] *V. Aegean Sea Continental Shelf* (Hy Lạp v. Thổ Nhĩ Kỳ), Phán quyết, ICJ, 1978, đoạn 29.

[15] Martin Dixon, *Textbook on International Law*, 7<sup>th</sup> ed., OUP, 2013, page 286.

[16] Ian Brownlie, xem chú thích số 5, tr. 703.

[17] Malcolm N. Shaw, xem chú thích số 5, tr. 1012.

[18] James Crawford, xem chú thích số 5, tr. 718.

[19] James Crawford, *Sovereignty as a legal value*, trong James Crawford & Marti Koskenniemi, *Companion to International Law*, Cambridge, CUP, 2012, tr. 118.

[20] Martin Dixon, Robert McCorquodale, Sarah Williams, xem chú thích số 3, tr. 626.

[21] *Nghị quyết A/RES/57/26*, ngày 03 tháng 02 năm 2003, đoạn 2.

[22] Christine Tomuschat, *Article 2(3)* trong Bruno Simma (eds.), *The Charter of the United Nations: A Commentary*, OUP, 2002, đoạn 14.

[23] Như trên.

[24] Nii Lante Wallace-Bruce, *The Settlement of International Disputes: The Contribution of Australia and New Zealand*, Martinus Nijhoff Publishers, 1998, tr. 31.

[25] Nguyên văn điều 2(3) trong bản gốc tiếng Anh: “All Members shall settle their international disputes by peaceful means in such a manner that international peace, security and justice are not endangered.”

[26] Xem chú thích số 22.

[27] Pháp quyết về *Aerial Incident of 10 August 1999* (Pakistan v. Ấn Độ), ICJ (2000), đoạn 53.

[28] Alain Pellet, xem chú thích số 3.

[29] Có hiệu lực từ năm 1929, hiện có 21 quốc gia thành viên.

[30] Có hiệu lực từ năm 1950, hiện có 08 quốc gia thành viên.

[31] Có hiệu lực từ năm 1958, hiện có 14 quốc gia thành viên.

[32] Hiệp ước chung về Hòa bình giải quyết tranh chấp năm 1928, điều 33(3); Hiệp ước sửa đổi về Giải quyết tranh chấp hòa bình năm 1949, điều 33(3); Công ước châu Âu về Hòa bình giải quyết tranh chấp năm 1957, điều 31(3).

[33] Về *Anglo-Iranian Oil Co. case* (Anh v. Iran), Quyết định 1951, ICJ, tr. 8.



[34] *V* *Certain activities carried out by Nicaragua in the Border Area* (Costa Rica v. Nicaragua), Quyết định ngày 8/5/2011, ICJ, đoạn 62.

[35] *Certain activities carried out by Nicaragua in the Border Area* (Costa Rica v. Nicaragua), Quyết định ngày 8/5/2011, đoạn 86; Quyết định ngày 16/7/2013, đoạn 86; và Quyết định ngày 22/11/2013, đoạn 11; *V* *Armed activities on the territories of Congo* (Congo v. Uganda), Quyết định ngày 1/7/2000, ICJ, đoạn 47.

[36] *V* *Certain activities carried out by Nicaragua in the Border Area* (Costa Rica v. Nicaragua), Quyết định ngày 8/5/2011, đoạn 84, Quyết định ngày 16/7/2013, đoạn 38, và Quyết định ngày 22/11/2013, đoạn 57.

[37] *Certain activities carried out by Nicaragua in the Border Area* (Costa Rica v. Nicaragua), Phán quyết, ICJ, 2015, đoạn 121 – 129.

[38] *Phán quyết tranh tài v* *kinh giới Philippines và Trung Quốc*, ngày 12 tháng 7 năm 2016, đoạn 1173.

[39] Như trên, đoạn 1169.

[40] Như trên, đoạn 1171.

[41] Như trên, đoạn 1181.

[42] *V* *Gabcikovo – Nagymros Project (Hungary/Slovakia)*, Phán quyết, ICJ, năm 1997, đoạn 142.

[43] Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông giữa ASEAN và Trung Quốc, 2002.

[44] Như trên, phụ lục 4.

[45] Như trên, phụ lục 7.

[46] Thưa thu nhận về những nguyên tắc cơ bản của giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc, ký ngày 11/10/2011 tại Bắc Kinh, phụ lục 3, xem tại <http://www.nhandan.com.vn/>.

[47] Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc (11–15/10/2011), mục 5, xem tại <http://baohinhphu.vn/Tieu-diem/Viet-Nam-Trung-Quoc-ra-Tuyen-bo-chung/100658.vgp>

[48] Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đến Trung Quốc (19–21/6/2013), mục 4, xem tại <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/viet-nam-trung-quoc-ra-tuyen-bo-chung-2835745.html>

[49] Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Thủ tướng Trung Quốc đến Việt Nam (ngày 13 - 15/10/2013), đoạn 5.c và đoạn 8, xem tại <http://baohinhphu.vn/Tin-noi-bat/Tuyen-bo-chung-Viet-Nam-Trung-Quoc/183057.vgp>

[50] Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc (7 – 10/4/2015), mục 5, xem tại <http://baohinhphu.vn/Tin-noi-bat/Toan-van-Thong-cao-chung-Viet-Nam-Trung-Quoc/224488.vgp>

[51] Về kiến giải Philippines và Trung Quốc, Phán quyết về thẩm quyền và điều kiện thực lý, Tòa trọng tài theo Phụ lục VII, ngày 29/10/2015, đoạn 241.

[52] Như trên, đoạn 244.

[53] Như trên; Về Aegean Sea (Hy Lạp v. Thổ Nhĩ Kỳ), Tòa ICJ, Phán quyết năm 1978, đoạn 96; và gần đây nhất Về phân định biển giữa Bangladesh và Myanmar, Tòa ITLOS, Phán quyết năm 2012, đoạn 72 - 79.

[54] Về kiến giải Philippines và Trung Quốc, đoạn 241 – 251.

[55] Trích phát biểu của Ngoại trưởng phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Hải Bình ngày 3/7/2014, đăng trên Báo điện tử Đài tiếng nói Việt Nam ngày 6/7/2014 (<http://vov.vn/vov-binh-luan/viet-nam-su-dung-moi-bien-phap-phap-ly-de-bao-ve-chu-quyen-336872.vov>) và Truy cập hình ảnh An ninh ngày 4/7/2014 (<http://www.antv.gov.vn/tin-tuc/chinh-tri/viet-nam-se-su-dung-moi-bien-phap-hoa-bi-nh-de-bao-ve-chu-quyen-50257.html>).